QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2026/QH16

Dự thảo ngày 01/11

NGHỊ QUYẾT

Ban hành chính sách đặc thù về xử lý tiền thuế nợ để tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế trong thực hiện luật quản lý thuế nhằm đáp ứng yêu cầu cấp bách trong thực hiện cam kết quốc tế về trao đổi thông tin theo yêu cầu

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về việc xử lý xóa nợ lệ phí môn bài (bao gồm thuế môn bài theo quy định của pháp luật có hiệu lực trước ngày 01/1/2017) và tiền chậm nộp (bao gồm tiền phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế có hiệu lực trước ngày 01/7/2013) của người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2026.

2. Nghị quyết này không áp dụng đối với khoản tiền thuế nợ liên quan đến hành vi trốn thuế, gian lận thuế, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp; khoản tiền thuế nợ liên quan đến vụ việc đang được thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế được cơ quan thuế xác định ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế tính đến ngày 21 tháng 11 năm 2026.

2. Người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm các trường hợp sau:

a) Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế mà doanh nghiệp, tổ chức đang hoạt động hoặc tạm ngừng kinh doanh có thời hạn;

b) Người nộp thuế có phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc nghĩa vụ thuế từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời gian không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

3. Cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý

1. Bảo đảm đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch; không làm phát sinh thủ tục hành chính riêng đối với việc xử lý nợ theo Nghị quyết này.

2. Việc xử lý xóa tiền chậm nộp quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này phải đáp ứng điều kiện người nộp thuế đã nộp đủ khoản tiền thuế nợ gốc phải nộp vào ngân sách nhà nước và người nộp thuế đã nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Tiền thuế nợ gốc quy định tại Nghị quyết này là tiền thuế, tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính và các khoản thu khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Quản lý thuế (trừ lệ phí môn bài).

3. Việc xóa tiền thuế nợ theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với số tiền thuộc phạm vi và đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa nợ theo quy định tại Nghị quyết này mà người nộp thuế chưa nộp vào ngân sách nhà nước tại thời điểm cơ quan quản lý thuế thực hiện xóa nợ. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kịp thời xác định khoản tiền thuế nợ đáp ứng đầy đủ điều kiện xóa theo Nghị quyết này để không áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với khoản tiền thuế nợ đủ điều kiện được xóa.

Chương II
XỬ LÝ TIỀN THUẾ NỢ

Điều 4. Xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài

1. Xóa khoản nợ lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tiền chậm nộp của khoản lệ phí môn bài được xóa.

2. Xóa tiền chậm nộp lệ phí môn bài còn nợ đến thời điểm ngày 21 tháng 11 năm 2026.

3. Người nộp thuế quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có nghĩa vụ khai, nộp lệ phí môn bài phát sinh đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025 nhưng chưa thực hiện khai, nộp và chưa được hạch toán trên Hệ thống thông tin quản lý thuế thì không phải khai, nộp lệ phí môn bài và không bị tính tiền chậm nộp đối với nghĩa vụ này.

4. Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ đề nghị xóa nợ. Việc xử lý xóa nợ lệ phí môn bài và tiền chậm nộp lệ phí môn bài quy định tại Điều này được căn cứ dữ liệu quản lý thuế trên Hệ thống thông tin quản lý thuế.

Điều 5. Xóa tiền chậm nộp do cơ quan quản lý thuế quản lý thu đối với người nộp thuế ở trạng thái ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế hoặc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký

1. Xóa tiền chậm nộp đối với người nộp thuế quy định tại Điều 2 Nghị quyết này đã nộp đủ tiền thuế nợ gốc và nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, được cơ quan thuế tiếp nhận chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2028, bao gồm:

a) Số tiền chậm nộp phát sinh đến ngày người nộp thuế nộp đủ tiền thuế nợ gốc vào ngân sách nhà nước, chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2028.

b) Số tiền chậm nộp còn nợ trong trường hợp người nộp thuế không còn tiền thuế nợ gốc đến thời điểm ngày 21 tháng 11 năm 2026.

2. Người nộp thuế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đã được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Quốc Hội thì không phải thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2026; các chính sách quy định tại Nghị quyết được áp dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028, trừ việc tiếp tục giải quyết hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đối với các hồ sơ hợp lệ đề nghị khôi phục mã số thuế hoặc chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã được cơ quan thuế tiếp nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2028 và người nộp thuế đã nộp đủ tiền thuế nợ gốc vào ngân sách nhà nước chậm nhất là ngày 30 tháng 6 năm 2028 mà cơ quan quản lý thuế chưa hoàn thành việc xử lý xóa tiền chậm nộp hoặc giải quyết thủ tục về mã số thuế thì cơ quan quản lý thuế tiếp tục giải quyết theo quy định của Nghị quyết này.

Trường hợp người nộp thuế đã đáp ứng đầy đủ điều kiện về hồ sơ và nộp đủ tiền thuế nợ gốc phải nộp chậm nhất ngày 30 tháng 6 năm 2028 nhưng chưa được xử lý xóa tiền chậm nộp do phải chờ kết luận, quyết định hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền để xác định khoản nợ có thuộc trường hợp loại trừ quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này hay không thì cơ quan quản lý thuế tiếp tục xem xét, giải quyết sau ngày 30 tháng 6 năm 2028 khi có đủ căn cứ xác định khoản nợ không thuộc trường hợp loại trừ.

3. Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự xử lý tiền thuế nợ quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này, không quy định thêm điều kiện, hồ sơ hoặc thủ tục hành chính đối với người nộp thuế ngoài quy định tại Nghị quyết này. Việc khôi phục mã số thuế, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các nội dung quản lý thuế không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

4. Chính phủ tổ chức thực hiện Nghị quyết này và xử lý nghiêm hành vi lợi dụng chính sách để trốn thuế, gian lận thuế hoặc chiếm đoạt tiền thuế và báo cáo Quốc hội kết quả thực hiện tại kỳ họp cuối năm 2028.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Kiểm toán nhà nước và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn